

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính quý III năm 2021**

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Kế hoạch cải cách hành chính và Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính đã được Sở ban hành vào quý IV năm 2020 và quý I năm 2021. Căn cứ vào các kế hoạch được ban hành, Sở chỉ đạo các phòng/ đơn vị thực hiện nghiêm túc kế hoạch đề ra.

##### **2. Triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính**

Sau khi ban hành các kế hoạch cải cách hành chính, Lãnh đạo Sở đã chỉ đạo các phòng liên quan tập trung tham mưu giải quyết các thủ tục hành chính đúng thời gian quy định; thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch đề ra đảm bảo tiến độ về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức, bộ máy, xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, hiện đại hóa nền hành chính; đồng thời đổi mới lề lối làm việc, đổi mới trình tự thủ tục, tác nghiệp trong giải quyết công việc; rà soát, phát hiện các thủ tục hành chính, các văn bản quy định không còn phù hợp, từng bước cải tiến, sửa đổi, bổ sung các quy định tác nghiệp của các phòng thuộc Sở.

##### **3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính**

Sở đã xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính (số 234/KH-SXD ngày 26/01/2021), sẽ tiến hành kiểm tra cuối tháng 9/2021.

##### **4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

Sở cũng đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021 (số 392/KH-SXD ngày 22/02/2021) để chỉ đạo các phòng thực hiện.

Theo đó, Sở Xây dựng thường xuyên tuyên truyền công tác cải cách hành chính trong các cuộc họp, sinh hoạt, giao ban của cơ quan. Đồng thời, niêm yết công khai các quy trình, quy định, các thủ tục hành chính để cán bộ, công chức và khách hàng nắm.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **1. Cải cách thể chế**

\* Về ban hành văn bản QPPL:

+ Tiếp tục soạn thảo Quyết định ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng, quy chế

quản lý kiến trúc và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, đang.

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030, được ban hành tại văn bản số 19/NQ-HĐND ngày 13/08/2021 của HĐND tỉnh.

+ QĐ V/v phân công chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư ban hành tại QĐ số 2461/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh.

+ QĐ Ban hành Quy định phân công, phân cấp, ủy quyền trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành tại QĐ số 31/2021/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 của UBND tỉnh.

+ Báo cáo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030: Sở Xây dựng đã có văn bản xin lùi thời gian báo cáo UBND tỉnh tại Công văn số 1047/SXD-PTĐT&HTKT ngày 11/5/2021.

+ Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035: Đang xây dựng đúng tiến độ.

+ Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đang xây dựng đúng tiến độ.

\* Về rà soát, kiểm tra văn bản QPPL: Sở đã xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (số 83/KH-SXD ngày 11/01/2021); rà soát vào tháng 11/2021.

\* Về phổ biến văn bản QPPL: Sở đã xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật (số 4012/KH-SXD ngày 08/12/2020). Căn cứ vào kế hoạch, Sở thực hiện việc tuyên truyền các văn bản QPPL và sao gửi các văn bản thay cho triển khai Ngày pháp luật vì dịch bệnh COVID.

\* Theo dõi thi hành pháp luật:

Công tác theo dõi thi hành pháp luật được Sở chỉ đạo thực hiện thông qua việc triển khai các hoạt động theo dõi, thanh tra, kiểm tra đối với các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

Sở Xây dựng đã ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 và triển khai thực hiện. Cụ thể như sau:

### ***a. Việc cập nhật, trình UBND tỉnh công bố TTHC***

Sở đã tham mưu UBND tỉnh Công bố 06 bộ TTHC với tổng số 39 TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung.

Tính đến nay, Sở Xây dựng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 62 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở và 21 thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện trong lĩnh vực xây dựng.

#### ***b. Việc thực hiện công khai TTHC***

Sở Xây dựng đã tổ chức thực hiện tốt việc niêm yết công khai các TTHC đã được UBND tỉnh công bố theo các hình thức niêm yết công khai trên bảng niêm yết TTHC, đóng thành Sổ hướng dẫn đặt tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC và tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC; cập nhật công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng; đăng tải tại Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia.

Ngoài ra, Sở cũng đã cập nhật, đăng tải công khai các thông tin liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý trên Chuyên mục Quy hoạch, Kế hoạch, Chính sách và tài liệu pháp lý khác của HĐND, UBND tỉnh theo yêu cầu tại Công văn số 1267/UBND-NC ngày 12/8/2016 của UBND tỉnh.

#### ***c. Đánh giá tác động quy định TTHC***

Quý III năm 2021, Sở Xây dựng không có văn bản QPPL phải thực hiện đánh giá tác động. 01 Nghị quyết, 02 Quyết định QPPL tham mưu dự thảo đã gửi Sở Tư pháp góp ý và thẩm định theo đúng quy trình soạn thảo văn bản QPPL.

#### ***d. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC***

Sở Xây dựng đã chỉ đạo các phòng thường xuyên rà soát TTHC để đưa ra phương án đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC.

#### ***e. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC***

Tất cả các TTHC đều được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh, các lĩnh vực giải quyết TTHC đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, có Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Các phòng chuyên môn giải quyết TTHC đã thực sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến thực hiện TTHC. Sở Xây dựng cũng đã chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện việc giải quyết hồ sơ TTHC theo đúng cam kết rút ngắn 10% thời gian giải quyết so với thời hạn đã được pháp luật quy định. Trong quý III, Sở Xây dựng đã tiếp nhận và giải quyết 341 hồ sơ TTHC, không có hồ sơ trễ hẹn.

#### ***g. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC***

Sở Xây dựng đã thực hiện việc niêm yết công khai địa chỉ cơ quan giúp UBND tỉnh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị (là Văn phòng UBND tỉnh) và nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị để các tổ chức, cá nhân biết. Ngoài ra, Sở đã sử dụng hòm thư góp ý, công khai số điện thoại đường dây nóng và thiết lập Chuyên mục “Người dân hỏi, cơ quan chức năng trả lời” để kịp

thời hướng dẫn, giải đáp, xử lý những thắc mắc của cá nhân, tổ chức liên quan đến thủ tục hành chính. Quý III, có 01 phản ánh về quy định hành chính.

***h. Về tổ chức hội nghị đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC và giải quyết TTHC***

Thực hiện kế hoạch của Sở Xây dựng về tổ chức hội nghị đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC và giải quyết TTHC trong lĩnh vực xây dựng; Sở Xây dựng sẽ tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính trong hoạt động xây dựng vào thời gian 6 tháng cuối năm.

**3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

- Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Sở và các đơn vị trực thuộc:

Thực hiện Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình; Sở đã xây dựng và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tại Quyết định số 2032/QĐ-SXD ngày 16/08/2021. Kể từ ngày 01/9/2021, các phòng được sắp xếp và bố trí cán bộ theo QĐ số 971/QĐ-UBND.

- Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của Sở:

Tháng 11/2021, Sở Xây dựng sẽ tiến hành tự kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở theo Kế hoạch.

- Về thực hiện phân cấp quản lý:

Các quy định về phân cấp quản lý do Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành như: Quyết định số 01-QĐi/TU ngày 01/6/2018 của Tỉnh ủy Quảng Bình quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định số 179-QĐi/BCSD ngày 29/10/2018 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về phân cấp quản lý và bổ nhiệm cán bộ; Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 10/01/2018; Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012; Quyết định 04/2011/QĐ-UBND ngày 09/5/2011,...được các đơn vị thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Qua thời gian thực hiện quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý công tác tổ chức, cán bộ đã nâng cao vai trò trách nhiệm của Thủ trưởng, cơ quan được phân cấp, ủy quyền; đặc biệt đối với các lĩnh vực thực hiện thường xuyên, định kỳ như: Thực hiện đề bạt cán bộ, quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.

**4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

\* Tình hình xây dựng và phê duyệt cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm:

Thực hiện Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt vị trí việc làm trong các tổ chức hành chính của Sở Xây

dựng, các phòng đã hoàn thiện bản mô tả vị trí công việc của từng vị trí việc làm để bố trí biên chế, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. 02 đơn vị Viện Quy hoạch xây dựng và Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng cũng đã được phê duyệt danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc. Hiện nay, cơ cấu công chức, viên chức đã được xây dựng theo Đề án vị trí việc làm và nhu cầu công việc. Các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được bố trí theo tiêu chuẩn ngạch chuyên môn nghiệp vụ quy định.

\* Tình hình sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức, người lao động:

Thực hiện Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính thuộc Sở Xây dựng Quảng Bình; Sở đã bố trí công chức của các phòng giải thể, sắp xếp lại.

Việc quản lý biên chế của các đơn vị: Viện Quy hoạch xây dựng hiện có 54 biên chế/60 biên chế được giao. Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng hiện có 21 biên chế/22 biên chế được giao.

\* Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

- Công tác đề bạt, bổ nhiệm: Căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn, nhu cầu, vị trí công tác và phẩm chất công chức, viên chức, Sở Xây dựng thực hiện quy trình bổ nhiệm đầy đủ, đúng trình tự và theo phân cấp quản lý. Cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều trong quy hoạch, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, được tập thể tín nhiệm; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Bổ nhiệm 02 Phó Viện trưởng, 01 Phó Trưởng phòng Viện Quy hoạch xây dựng; Điều động, bổ nhiệm 02 Trưởng phòng của Sở.

- Các chế độ nâng lương trước thời hạn, nâng lương thường xuyên, xếp lại hệ số lương và giải quyết chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động được Sở Xây dựng chủ động phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội thực hiện thường xuyên, đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, tiêu chuẩn và điều kiện thời gian theo quy định. Quý III, đã thực hiện nâng bậc lương thường xuyên cho 01 viên chức.

- Chỉ đạo công chức, viên chức, người lao động nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc; kỷ luật, kỷ cương, phát huy trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

\* Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã được Sở Xây dựng quan tâm thực hiện thường xuyên. Sở đã căn cứ các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo để xây dựng Kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức từ đầu năm. Quý III năm 2021, Sở đã cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng về các mặt:

- Đào tạo cao cấp lý luận chính trị – hành chính: 01 người.
- Lớp Thanh tra viên: 01 người.

## **5. Cải cách tài chính công**

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Thường xuyên thực hiện tốt việc quán triệt, nhắc nhở, động viên cán bộ, công chức chấp hành nghiêm túc các quy chế đã ban hành như: tiết kiệm trong sử dụng điện sáng, điện thoại, nước máy... Đẩy mạnh thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu, năng động trong giải quyết công việc, nâng cao chất lượng dịch vụ công, tăng thu nhập, từng bước cải thiện đời sống cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

## **6. Hiện đại hóa hành chính**

- Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tại Sở Xây dựng: Sở trang bị đầy đủ máy tính, thiết bị và kết nối internet phục vụ công việc chuyên môn. Các hệ thống phần mềm dùng chung như Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC, Hệ thống Thư điện tử công vụ, Phần mềm Một cửa điện tử được triển khai, ứng dụng hiệu quả trong Sở góp phần giảm bớt văn bản, giấy tờ hành chính. Đưa vào ứng dụng hiệu quả các phần mềm chuyên ngành như phần mềm kế toán, phần mềm kê khai thuế, bảo hiểm xã hội,... đã giúp cán bộ, công chức, viên chức quản lý tốt hơn công việc chuyên môn đang đảm nhiệm. Nhờ việc ứng dụng công nghệ thông tin, các công vụ do Sở Xây dựng thực hiện nhanh chóng, thuận lợi và hoàn toàn minh bạch.

- Việc thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008: Năm 2021, Sở triển khai chuyển đổi sang Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Hiện nay, đã thực hiện xong việc đào tạo, bồi dưỡng về tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; đã ban hành các biểu mẫu chung áp dụng tại hệ thống, 02 quy trình thuộc hệ thống, các quy trình chuyên môn.

- Tình hình duy trì, thực hiện Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng: Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng đi vào hoạt động từ tháng 12/2013; đến nay đã cung cấp đầy đủ thông tin về các hoạt động của Sở cũng như các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp nắm.

## **7. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Lãnh đạo Sở thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc kịp thời việc thực

hiện công tác CCHC; Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại cơ quan hành chính Nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử.

Tuyên truyền CCHC, sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, phổ biến về cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của công chức, viên chức và người lao động theo Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/01/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình; Công văn số 460/UBND-NC ngày 06/5/2013 của UBND tỉnh.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tại Sở nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những ưu điểm**

- Công tác cải cách hành chính ở Sở Xây dựng được lãnh đạo Sở tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc.

- Công chức, viên chức của Sở cũng đã nhận thức đúng đắn vai trò quan trọng của công tác cải cách hành chính đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

- Các công chức, viên chức tận tụy với công việc, không có hiện tượng quan liêu, sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác.

#### **2. Những tồn tại, hạn chế**

- Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong lĩnh vực xây dựng tại UBND cấp huyện chưa được thực hiện nghiêm túc.

- Trong quý III, do tình hình dịch bệnh nên việc nhận và trả hồ sơ TTHC trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích còn gặp nhiều vướng mắc.

Sở Xây dựng báo cáo Sở Nội Vụ tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Nội Vụ;
- Website SXD;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Anh Tuấn**

## Phụ lục

### THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	26	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	20	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	7	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0		



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	5	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	83	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	62	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	21	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	0	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	83	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	33	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	20	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100% (56/56)	Trừ 6 TTHC đặc thù
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100% (56/56)	Trừ 6 TTHC đặc thù
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	77 (cấp tỉnh 56, huyện 21)	Trừ 6 TTHC đặc thù
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	33 (cấp tỉnh 26, huyện 7)	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	13 (cấp tỉnh 07, huyện 6)	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	37	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	36	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	5 (HĐ68)	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	2	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	2	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	2	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		Đã được cấp	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	Đã kết nối	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử ( <i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	%	85%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	15%	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	Đã kết nối	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	33 (cấp tỉnh 26, huyện 7)	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	60%	